

完成会话

Hoàn thành bài đàm thoại (Nghe và điền thông tin nghe được)



(1)

A: 你换什么钱?

Nǐ huàn shénme qián?

B:

A: 请等一会.....给您钱。

Qǐng děng yī huǐ.....gěi nín qián.

B:

A: 不客气!

Bù kèqì!

(2)

A:.....?

B: 不去, 我去银行。

Bù qù, wǒ qù yínháng.

(3)

A:

B: 我换人民币。

Wǒ huàn rénminbì.

A:

B: 谢谢!

Xièxiè!